

Số 258/CV-DHP-2016  
V.v. Công bố thông tin theo quy định

Gia Lai, ngày 24 tháng 10 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước,  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty CP thủy điện Đắc Đa (HPD)

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng – TP.PLeiku – Gia Lai

Số điện thoại: 0596 288 688 Fax: 0593 866 472

Loại công bố thông tin: Theo quy định.

Nội dung công bố thông tin:

- Công bố Báo cáo tài chính Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu TH, đăng Website

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Phạm Văn Hùng*



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

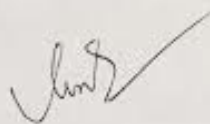
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/16	31/12/15
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.542.479.563</b>	<b>16.918.905.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.321.999.832</b>	<b>141.969.164</b>
1. Tiền	111		3.321.999.832	141.969.164
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.933.989.181</b>	<b>16.535.287.495</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.922.566.177	15.893.117.189
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	371.048.850	202.124.270
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	640.374.154	440.046.036
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>138.393.038</b>	<b>159.953.046</b>
1. Hàng tồn kho	141		138.393.038	159.953.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.097.512</b>	<b>81.695.990</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		148.097.512	81.695.990
2. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>207.921.813.366</b>	<b>217.337.591.550</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.435.000.000</b>	<b>1.435.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1.435.000.000	1.435.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>204.397.975.892</b>	<b>213.505.400.626</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	204.397.975.892	213.505.400.626
<i>Nguyên giá</i>	222		282.828.073.163	281.675.508.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(78.430.097.271)	(68.170.107.894)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.010.700</b>	<b>36.010.700</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	36.010.700	36.010.700
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.052.826.774</b>	<b>2.361.180.224</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.052.826.774	2.361.180.224
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>217.464.292.929</b>	<b>234.256.497.245</b>

Ngày 30 tháng 9 năm 2016  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

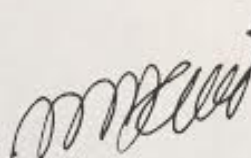
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/16	31/12/15
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.041.694.439</b>	<b>126.729.341.113</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.620.601.382</b>	<b>63.475.132.097</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	9.211.048.581	8.211.146.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.624.162.786	5.597.777.915
4. Phải trả người lao động	314		194.858.683	1.126.962.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.116.132.925	1.373.874.449
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	13.979.901.407	5.868.943.567
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	800.000.000	40.605.330.080
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		494.497.000	691.097.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>93.421.093.057</b>	<b>63.254.209.016</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337			
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	93.421.093.057	63.254.209.016
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>96.422.598.490</b>	<b>107.527.156.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>96.422.598.490</b>	<b>107.527.156.132</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.398.194.445	2.398.194.445
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.125.460.929	1.125.460.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.833.043.116	20.937.600.758
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.631.010.758	20.937.600.758
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.797.967.642)	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>217.464.292.929</b>	<b>234.256.497.245</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng



Trần Mạnh Đăng

Trưởng Giám đốc



Phạm Văn Hưng



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm 2016	09 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.317.830.097	27.482.254.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.317.830.097	27.482.254.267
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.387.376.130	15.215.931.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.930.453.967	12.266.322.885
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.524.676	13.538.779
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.076.664.164	7.146.278.916
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.076.664.164	7.070.864.984
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.539.258.822	2.191.336.452
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.679.944.343)	2.942.246.296
11. Thu nhập khác	31		16.363.636	
12. Chi phí khác	32	VI.6	134.386.935	151.489.285
13. Lợi nhuận khác	40		(118.023.299)	(151.489.285)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.797.967.642)	2.790.757.011
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			99.122.348
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.797.967.642)	2.691.634.663
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(337)	324

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 tháng năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	09 tháng đầu năm 2016	09 tháng đầu năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.797.967.642)	2.791.820.648
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.259.989.377	9.949.325.016
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.524.676)	(13.538.779)
- Chi phí lãi vay	06	7.076.664.164	7.132.740.137
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.533.161.223	19.860.347.022
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.980.594.912	(621.128.347)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.560.008	(79.077.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4.352.209.840	910.997.325
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	308.353.450	(1.174.319.580)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.076.664.164)	(6.106.767.200)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(387.888.102)	(654.291.664)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.731.327.167</b>	<b>12.135.759.569</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.384.821.175)	(1.335.015.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.524.676	13.538.779
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.379.296.499)</b>	<b>(1.321.476.769)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	800.000.000	3.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.972.000.000)	(13.007.394.536)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.281.437.975)



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(18.172.000.000)</u>	<u>(12.288.832.511)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.180.030.668	(1.474.549.711)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	141.969.164	3.627.163.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>3.321.999.832</u>	<u>2.152.613.408</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích và các công trình kỹ thuật dân dụng khác; khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; trồng rừng và chăm sóc rừng./.

#### 4. Nhân sự

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 Tổng số nhân viên hiện có 26 người đang làm việc.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do tình hình thời tiết khô hạn kéo dài, lượng mưa 09 tháng thấp, sản lượng điện đạt 16.294.570 KWh, giảm 19.7% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 47% kế hoạch kinh doanh cả năm 2016, dẫn đến doanh thu 09 tháng đầu năm 2016 giảm sút mạnh so với cùng kỳ năm trước.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loai tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Thiết bị, dụng cụ quản lý

5

### **6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản***

Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (lỗ hoặc lãi tỷ giá hối đoái) không tính vào trị giá TSCĐ mà phân bổ trong thời gian 5 năm.

#### ***Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### **9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **10. Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **14. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

## **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu cung cấp điện thương phẩm***

Doanh thu cung cấp điện thương phẩm được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo và đã có bảng thanh toán điện năng được khách hàng chấp nhận.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **16. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tiền và các khoản phải thu

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó..

### **17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **18. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tiền mặt	430.259.516	23.180.095
Tiền gửi ngân hàng	2.891.740.316	118.789.069
<b>Cộng</b>	<b><u>3.321.999.832</u></b>	<b><u>141.969.164</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	4.922.566.177	14.714.397.171
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	0	1.178.720.018
<b>Cộng</b>	<b><u>4.922.566.177</u></b>	<b><u>15.893.117.189</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty Cổ phần tư vấn LiGi	194.000.000	
Công ty TNHH TM&DV thiết bị công nghiệp Sài Gòn	177.048.850	
<b>Cộng</b>	<b><u>371.048.850</u></b>	

#### 4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu người lao động	41.541.362	23.520.197
Phải thu cán bộ công nhân	10.626.669	27.500.000
Công ty CP thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	260.256.532	
Tổng công ty Điện lực miền Trung		287.000.000
Các khoản phải thu khác	18.457.378	18.457.378
Tạm ứng	309.492.213	83.568.461
<b>Cộng</b>	<b><u>640.374.154</u></b>	<b><u>440.046.036</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Nguyên liệu, vật liệu	132.147.871	148.908.046
Công cụ, dụng cụ	6.245.167	11.045.000
<b>Cộng</b>	<b><u>138.393.038</u></b>	<b><u>159.953.046</u></b>

#### 6. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu Tổng công ty Điện lực Miền Trung theo “Biên bản thoả thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty đã góp 2.870.000.000 VND từ năm 2011 để Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum và sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được PC3 hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10% giá trị vốn đã góp).

#### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	160.732.188.068	119.923.902.814	937.811.290	81.606.348	281.675.508.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		1.152.564.643			1.152.564.643



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>160.732.188.068</b>	<b>121.076.467.457</b>	<b>937.811.290</b>	<b>81.606.348</b>	<b>282.828.073.163</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			158.133.333	81.606.348	239.739.681
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	30.832.573.392	36.539.025.566	716.902.588	81.606.348	68.170.107.894
Khấu hao trong năm	3.871.098.288	6.330.415.236	58.475.853		10.259.989.377
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.703.671.680</b>	<b>42.869.440.803</b>	<b>775.378.441</b>	<b>81.606.348</b>	<b>78.430.097.271</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	129.899.614.676	83.384.877.248	220.908.702		213.505.400.626
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>126.028.516.388</b>	<b>78.207.026.655</b>	<b>162.432.849</b>		<b>204.397.975.892</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 203.508.775.520 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Gia Lai.

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Giá trị tài sản phân chia</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	36.010.700	1.412.821.175	(1.152.564.643)	(260.256.532)	36.010.700
- Hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS <sup>(*)</sup>		- 1.412.821.175	(1.152.564.643)	(260.256.532)	-
- Công trình xưởng sửa chữa, Khuân viên nhà máy	29.488.500	-	-	-	29.488.500
- Công trình đập tràn sự cố	6.522.200	-	-	-	6.522.200
<b>Cộng</b>	<b>36.010.700</b>	<b>1.412.821.175</b>	<b>(1.152.564.643)</b>	<b>(260.256.532)</b>	<b>36.010.700</b>

<sup>(\*)</sup> Theo Phụ lục số 01/2016/SĐTN-DHP của Hợp đồng số 68/2010/SĐTN-DHP về việc hợp tác đầu tư xây dựng bổ sung, hoàn thiện Hệ thống SCADA-DMS, Hệ thống đo xa, Hệ thống đo đếm điện năng phục vụ Nhà máy thủy điện Đăk Đoa và Nhà máy thủy điện Hà Tây ký ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên sẽ phân chia giá trị hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS với tổng giá trị đầu tư chưa bao gồm thuế GTGT là 1.412.821.175 VNĐ, trong đó giá trị phân chia cho Công ty là 1.152.564.643 VNĐ, giá trị phân chia cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên là 260.256.532 VNĐ. Hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS đã được đưa vào sử dụng và Công ty đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản còn phải phân bổ

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	59.570.429	41.222.793
Chi phí kiểm định an toàn đập	87.500.000	87.500.000
Chi phí trồng rừng thay thế	1.905.756.345	2.232.457.431
Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.052.826.774</u></b>	<b><u>2.361.180.224</u></b>

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505 – Chi nhánh 555	1.617.000.847	1.617.000.847
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng công trình ngầm Việt Nam	2.536.234.380	1.538.904.300
Công ty CP cơ khí lắp máy Đại Hãn	1.386.806.569	1.386.806.569
Công ty TNHH Hán Long Hồ Nam	1.229.681.471	1.229.681.471
Các nhà cung cấp khác	2.441.325.314	2.438.753.729
<b>Cộng</b>	<b><u>9.211.048.581</u></b>	<b><u>8.211.146.916</u></b>

#### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản ứng trước tiền thiết kế công trình của Công ty Cổ phần Thủy điện Đức Nhân - ĐăkPsi.

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2015</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>30/9/2016</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.911.912.613	2.031.470.980	3.106.318.157	837.065.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.630.468		500.630.468	
Thuế thu nhập cá nhân	86.928.823	8.701.065	81.808.982	13.790.906
Thuế tài nguyên	943.083.757	1.257.673.562	1.692.507.490	508.249.829
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		24.500.000		
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.155.222.254	440.006.728	2.330.202.367	265.026.615
<b>Cộng</b>	<b><u>5.597.777.915</u></b>	<b><u>3.762.352.335</u></b>	<b><u>7.735.967.464</u></b>	<b><u>1.624.162.786</u></b>

##### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39 121 000 033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp:

- Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- Dự án thủy Điện Đăk Đoa được hưởng mức thuế suất 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2016 là năm thứ 2 tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án thủy điện.

##### **Thuế tài nguyên**



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên phục vụ hoạt động thủy điện với mức thuế suất 4% và từ ngày 01/7/2016 tăng là 5%.

#### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.500 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với mức 49.000.000 VND/năm.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định

### 13. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí lãi vay		194.202.400
Chi phí xây dựng nhà máy (*)	1.116.132.925	1.135.616.856
Chi phí tiền tàu xe nghỉ phép		27.727.273
Chi phí phải trả khác		16.327.920
<b>Cộng</b>	<b><u>1.116.132.925</u></b>	<b><u>1.373.874.449</u></b>

(\*) Là giá trị đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Đoa đã hoàn thành nghiệm thu nhưng nhà thầu chưa xuất hoá đơn GTGT.

### 15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Kinh phí công đoàn	7.999.120	20.502.890
Bảo hiểm xã hội	79.377.823	103.497.334
Bảo hiểm y tế	12.670.023	19.035.586
Bảo hiểm thất nghiệp	5.631.117	8.460.260
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.184.398.000	3.907.116.500
Bà Trần Thị Bích Liên	1.000.000.000	1.000.000.000
Thù lao HDQT, BKS	345.600.000	460.800.000
Các khoản phải trả khác	344.225.324	349.530.997
<b>Cộng</b>	<b><u>13.979.901.407</u></b>	<b><u>5.868.943.567</u></b>

### 16. Vay và nợ thuê tài chính

#### 16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Gia Như-Gia Lai	800.000.000	
- Công ty CP Sông Đà 11		14.012.000.000
- Công ty Công trình Ngầm Việt Nam		1.297.330.080
Nợ dài hạn đến hạn trả		

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Ngân hàng Phát tiền Việt Nam CN Gia Lai		25.296.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>800.000.000</u></b>	<b><u>40.605.330.080</u></b>

Các khoản vay có thời hạn vay từ 3 tháng đến 12 tháng, dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 7,3%/năm.

#### 16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Phát tiền Việt Nam CN Gia Lai		63.254.209.016
Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Gia Lai	93.421.093.057	
<b>Cộng</b>	<b><u>93.421.093.057</u></b>	<b><u>63.254.209.016</u></b>

Là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Đăk Đoa với lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân và tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời gian vay vốn 138 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2019, thời gian ân hạn 24 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 12 năm 2009, thời gian trả nợ gốc 96 tháng từ tháng 01 năm 2010 đến hết tháng 6 năm 2019. Từ tháng 9/2016 đơn vị ký hợp đồng vay vốn dài hạn Ngân hàng VCB Gia Lai để cơ cấu lại các khoản vay và bù đắp thiếu hụt tài chính. Khoản vay này được đảm bảo bằng những tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	83.065.900.000	828.875.093	419.267.221	15.933.924.543	100.247.966.857
Tăng trong năm		1.569.319.352	706.193.708	8.604.189.275	10.879.702.335
Giảm trong năm				3.600.513.060	3.600.513.060
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>83.065.900.000</u></b>	<b><u>2.398.194.445</u></b>	<b><u>1.125.560.929</u></b>	<b><u>20.937.600.758</u></b>	<b><u>107.527.156.132</u></b>
Số dư đầu năm nay	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.560.929	20.937.600.758	107.527.156.132
Tăng trong năm				(2.797.967.642)	(2.797.967.642)
Giảm trong năm				8.306.590.000	8.306.590.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>83.065.900.000</u></b>	<b><u>2.398.194.445</u></b>	<b><u>1.125.460.929</u></b>	<b><u>9.833.043.116</u></b>	<b><u>96.422.598.490</u></b>

Ngày 02 tháng 6 năm 2015, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 322/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 8.306.590 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 83.065.900.000 VND.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2016 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty. Vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Điều lệ là 83.065.900.000 VND

#### **Cổ phiếu**

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.460.000	9.460.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.306.590	8.306.590
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Doanh thu</b>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
	<u>09 tháng đầu năm 2016</u>	<u>09 tháng đầu năm 2015</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	20.317.830.097	27.482.254.267
Doanh thu sản xuất kinh doanh khác		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>20.317.830.097</u></b>	<b><u>27.482.254.267</u></b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>09 tháng đầu năm 2016</u>	<u>09 tháng đầu năm 2015</u>
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	14.387.376.130	15.215.931.382
Giá vốn sản xuất kinh doanh khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>14.387.376.130</u></b>	<b><u>15.215.931.382</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Là lãi tiền gửi ngân hàng		
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>09 tháng đầu năm 2016</u>	<u>09 tháng đầu năm 2015</u>
Chi phí lãi vay	7.076.664.164	7.070.866.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn XD CB		75.411.966
<b>Cộng</b>	<b><u>7.076.664.164</u></b>	<b><u>7.146.278.916</u></b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>09 tháng đầu năm 2016</u>	<u>09 tháng đầu năm 2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	752.077.752	713.214.597
Chi phí vật liệu quản lý	44.226.518	64.230.577
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.614.000	1.545.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	58.475.853	58.475.853
Thuế, phí và lệ phí	27.500.000	52.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.963.603	142.615.998



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	09 tháng đầu năm 2016	09 tháng đầu năm 2015
Chi phí bằng tiền khác	489.401.096	1.159.253.972
<b>Cộng</b>	<b>1.539.258.822</b>	<b>2.191.336.452</b>
<b>6. Chi phí khác</b>	<b>09 tháng đầu năm 2016</b>	<b>09 tháng đầu năm 2015</b>
Lãi chậm nộp bảo hiểm	5.197.682	4.912.465
Lãi chậm nộp thuế	114.189.253	146.576.820
Chi phí khác	15.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>134.386.935</b>	<b>151.489.285</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>09 tháng đầu năm 2016</b>	<b>09 tháng đầu năm 2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.797.967.642)	2.691.634.663
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.797.967.642)	2.691.634.663
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.306.590	8.306.590
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(337)</b>	<b>945</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Sông Đà 11

**Mối quan hệ**

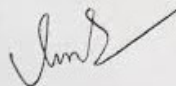
Thành viên góp vốn

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng



Trần Mạnh Đăng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng